TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 11 - 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Mộng Dung; ;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương. .

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 221/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L Thị Hoàng Trúc L, sinh năm 1996; địa chỉ: số 174/4, khóm L, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Lê Hữu Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ 4, khóm P, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L Thị Hoàng Trúc L trình bày: Chị L và anh Lê Hữu Đ tự tìm hiểu, quen biết và đi đến hôn nhân vào tháng 10/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Tháng 7/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, đời sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cải vã xô xát nhau và không còn chung

sống với nhau từ tháng 7/2017 cho đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn gia đình kéo dài, cuộc sống chung không hòa hợp nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh Đ có 01 con chung tên Lê Hữu Th, sinh ngày 21/9/2015 hiện đang sống cùng với anh Đ và bà Nội anh Đ. Chị L đồng ý giao con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do anh Đ vắng mặt.

Tại phiên tòa:

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét sử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về aun hệ hôn nhâ giữa chị L và anh Đ do tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp

Trong quá trình chung sống chị L và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xãy ra cự cải, xô xát, cả hai không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của chị L và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn anh Đ là có căn cứ. Ngoài ra, theo biên bản xác minh ngày 04/9/2018, bà Nguyễn Thị Ph (bà Nội của Đ) cho biết anh Đ thống nhất như trên và đồng ý ly hôn; Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung tên Lê Hữu Th, sinh ngày 21/9/2015 hiện đang sống cùng với anh Đ và bà Nội anh Đ. Do đó, để hạn chế sự ảnh hưởng của việc cha mẹ ly hônđang sống cùng anh Đ và bà Nội anh Đ và nhằm ổn định cuộc sống của cháu Thành nên việc bà L yêu cầu tiếp tục giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp. Ngoài ra, anh Đ có diện cho bà Phung không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Thành cho anh Đ được tiếp tục nuôi dạy, chị L không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị L Thị Hoàng Trúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu Đ. Đồng thời, anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm P, phường S, thành phố D. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn chị L Thị Hoàng Trúc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Hữu Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh Đ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L Thị Hoàng Trúc L và anh Lê Hữu Đ tự tìm hiểu, quen biết và đi đến hôn nhân vào tháng 10/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc vào ngày 26/10/2015 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị L cho rằng, giữa chị L và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do đời sống vợ chồng không hòa hợp, luôn xảy ra cải vã xô xát với nhau. Đồng thời, chị L và anh Đ không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2017 cho đến nay.

Theo kết quả xác minh ngày 12/7/2018 của Hội phụ nữ phường Núi Sam cho biết, hiện nay anh Đ và chị L vẫn còn chung sống với nhau.

Theo Biên bản xác minh ngày 04/9/2018 đối với bà Nguyễn Thị Ph là bà Nội của anh Đ cho biết: Vợ chồng L – Đ mâu thuẫn với nhau là do kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã và đã không còn chung sống với nhau từ 2017 cho đến nay, Đ chạy xe tải ở thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ph có điện thoại cho Đ biết về việc vợ chồng ly hôn thì Đ có nói thống nhất ly hôn với L, không yêu cầu L cấp dưỡng nuôi cháu Thành.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ để cung cấp lời khai, hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt cũng như không gửi văn bản ý kiến nên Tòa án không thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Qua lời trình bày của chị L về mâu thuẫn vợ chồng và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án xác định giữa chị L và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, xô xát nhau và chị L không còn chung sống với anh Đ từ năm 2017 cho đến nay. Đồng thời, qua lời trình bày của bà Ph (bà Nội anh Đ) cũng cho biết là Đ cũng thống nhất ly hôn với

L. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tôn trọng quan tâm lẫn nhau, vợ chồng sống xa nhau đã lâu, tình cảm đối với nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, việc chị L yêu cầu ly hôn anh Đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung:

Chị L Thị Hoàng Trúc L xác định: trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hữu Th, sinh ngày 21/9/2015 hiện đang sống cùng với anh Đ và bà Nội anh Đ. Chị L đồng ý giao con chung Lê Hữu Th cho anh Đ tiếp tục nuôi dạy.

Xét, hiện tại cháu Thành đang sống cùng với anh Đ và bà Nội anh Đ, cháu cũng được chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ, cuộc sống của cháu Thành cũng đã ổn định, đồng thời chị L cũng đồng ý giao con chung cho anh Đ nuôi dạy là đảm bảo được sự ổn định cuộc sống của cháu Thành. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống của cháu Thành, hạn chế sự ảnh hưởng của việc cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L là tiếp tục giao con chung cho anh Đ nuôi dạy theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ cũng không yêu cầu chị L cấp dưỡng qua lời trình bày của bà Ph (bà Nội anh Đ) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị L Thị Hoàng Trúc L khai không có nên không đề cập đến.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị L Thị Hoàng Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Lê Hữu Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L Thị Hoàng Trúc L.

Chị L Thị Hoàng Trúc L được ly hôn với anh Lê Hữu Đ.

2. Về con chung: Anh Lê Hữu Đ được tiếp tục nuôi dạy con chung Lê Hữu Th, sinh ngày 21/9/2015. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Anh Lê Hữu Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị L Thị Hoàng Trúc L phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0007397 ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Hữu Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị L Thị Hoàng Trúc L và anh Lê Hữu Đ là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc